TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2023/DS-ST Ngày: 02-02-2023 V/v"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hảo

Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bị đơn:

1. Ông Phan Văn B, sinh năm 1966.

2. Bà Lê Thị Th, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Khu phố M, thị trấn V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bà T có mặt, ông B và bà Th vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị T trình bày:

Do quen biết, bà T có cho ông B, bà Th vay số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 22/9/2021 (âm lịch), không viết biên nhận, thỏa thuận miệng với nhau thời

gian vay 02 tháng trả, lãi suất là 01%/tháng. Nhưng đến thời hạn trả không thấy ông B, bà Th trả thì bà T có tới nhà ông B, bà Th đòi nhiều lần. Sau đó, vào ngày 30/5/2022 (âm lịch), bà T yêu cầu ông B, bà Th viết biên nhận thì ông B, bà Th đồng ý. Theo nội dung biên nhận, ông B, bà Th xác nhận có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 22/9/2021, hẹn đến tháng 5/2022 âm lịch trả xong nợ gốc và nợ lãi cho bà T nhưng đến nay chưa trả.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông B và bà Th liên đới trả cho bà tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày viết biên nhận là 30/5/2022 (âm lịch) tương ứng ngày 28/6/2022 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm, chỉ yêu cầu tính lãi tròn tháng là 07 tháng, số tiền lãi yêu cầu là 2.917.000 đồng. (Cách tính như sau: Tiền lãi 01 năm là 50.000.000 đồng x 10% = 5.000.000 đồng; Tiền lãi 01 tháng: 5.000.000 đồng : 12 tháng = 416.667 đồng (làm tròn). Tiền lãi 07 tháng là: 416.667 x 7 = 2.917.000 đồng (làm tròn)).

Bị đơn ông Phan Văn B và bà Lê Thị Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2022 của bà Hồ Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn B và bà Lê Thị Th trả cho bà T số tiền vay 55.000.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi). Tại phiên tòa bà T điều chỉnh yêu cầu như sau: Yêu cầu ông B, bà Th trả nợ vay gốc là 50.000.000 đồng, lãi tính mức 10%/năm (tính từ ngày 30/5/2022 âm lịch, nhằm ngày 28/6/2022 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm).

Bị đơn ông Phan Văn B và bà Lê Thị Th vắng mặt không thể hiện ý kiến. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T về việc buộc ông Phan Văn B và bà Lê Thị Th trả nợ vay gốc 50.000.000 đồng: Xét thấy, ông Phan Văn B, bà Lê Thị Th mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông B, bà Th vắng mặt không lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa; đồng thời ông B và bà Th không thể hiện ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích cho ông bà trong vụ việc bà T khởi kiện. Vì vậy, căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự để giải quyết vụ án. Theo lời trình bày của bà T thì vào ngày 22/9/2021 bà T có cho ông B, bà Th vay số tiền 50.000.000 đồng, hẹn 02 tháng sau trả và thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Đến hạn ông B, bà Th không trả nên bà T gặp ông B bà Th viết biên nhận thỏa thuận lại thời gian trả. Căn cứ "giấy mượng tiền" đề ngày 30/5/2022 mà bà T cung cấp thể hiện nội dung ông B, bà Th có mượn bà T số tiền 50.000.000 đồng, có thể hiện chữ ký và tên của ông B, bà Th trong "giấy

mượng tiền" nên có cơ sở xác định yêu cầu của bà T là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu lãi suất: Căn cứ "giấy mượng tiền" có nội dung thỏa thuận lãi suất nhưng không thể hiện rõ thỏa thuận bao nhiêu, tính lãi từ thời gian nào nên bà T yêu cầu trả lãi đối với khoản vay trên với mức 10%/năm, tính từ ngày ông B, bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong "giấy mượng tiền" là ngày 30/5/2022 âm lịch (nhằm ngày 28/6/2022 dương lịch) là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T. Từ phân tích trên căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Các Điều 357, 463, 466, Điều 468 Bộ luận Dân sự 2015 đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn ông B, bà Th cư trú tại khu phố M, thị trấn V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền vốn vay 50.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu tính tiền lãi từ ngày ông B, bà Th viết biên nhận là ngày 30/5/2022 (âm lịch), tương ứng ngày 28/6/2022 dương lịch, tính tròn tháng.

[4] Tòa án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[5] Xét thấy, bà Hồ Thị T là người khởi kiện đã cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là "Giấy mượng tiền" ngày 30/5/2022 (âm lịch), tương ứng ngày 28/6/2022 dương lịch có chữ ký của ông Phan Văn B và bà Lê Thị Th có nội dung: "Tôi Phan Văn B sinh 1966 vợ Lê Thị Th sinh 1971 cùng ngụ số nhà X, khu phố M, TT Vĩnh Hưng, tỉnh

Long An, có mượn của chị Hồ Thị T số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) kể từ 22/9/2021. Theo thỏa thuận tới tháng 5 âm lịch 2022 sẽ trả lại số tiền nêu trên và lãi suất". Nên có căn cứ để xác định ông B, bà Th có vay của bà T 50.000.000 đồng vào ngày 22/9/2021 (theo bà T trình bày là ngày âm lịch).

[6] Về tiền lãi: Do "Giấy mượng tiền" có đề cập đến việc trả lãi nhưng không nói rõ lãi suất là bao nhiêu cũng như tính lãi từ thời gian nào. Xét thấy tại phiên Tòa, bà T thay đổi một phần yêu cầu về tiền lãi, vẫn nằm trong phạm vi đơn khởi kiện ban đầu và có lợi cho bị đơn, đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Việc bà T chỉ yêu cầu ông B và Th liên đới trả cho bà số tiền lãi trong 07 tháng từ 28/6/2022 đến 28/01/2023 với mức 10%/năm là có căn cứ, cách tính tiền lãi như trên là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ phân tích tại mục [5] và [6] nêu trên, nhận thấy yêu cầu của bà T và các tài liệu, chứng cứ do bà T cung cấp là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông Phan Văn B và bà Lê Thị Th phải liên đới chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 357, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị T.

Buộc ông Phan Văn B và bà Lê Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị T số tiền 52.917.000 (năm mươi hai triệu chín trăm mười bảy nghìn) đồng (đã làm tròn số).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn chậm trả tiền cho nguyên đơn thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

3. Về án phí:

Buộc ông Phan Văn B và bà Lê Thị Th phải chịu 2.646.000 (hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng (đã làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Hồ Thị T 1.375.000 (một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai thu tiền số 0003771 ngày 10/10/2022.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Yến Linh